



TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ-CTCP
**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN
VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số *18* /ĐNB-HĐQT
V/v: Công bố thông tin Báo cáo tài chính
đã kiểm toán năm 2016.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2017.

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ kính gửi Quý cơ quan thông tin sau:

1. Tên Công ty: Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ.
2. Mã chứng khoán: PSE.
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh.
4. Điện thoại: 08.35 111 999 Fax: 08. 35 111 666.
5. Người thực hiện công bố thông tin: ông Trịnh Văn Chương.
6. Nội dung của thông tin công bố: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2016 của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ được lập ngày 21/02/2017, bao gồm: Báo cáo của Ban Giám đốc, Báo cáo kiểm toán độc lập, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2016 của Công ty: <http://www.pse.vn/>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, GD, BKS (để b/c);
- Ban biên tập website (để đăng tin);
- Lưu VT, TCHC, HM.03.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
ỦY MIÊN HĐQT**



Trịnh Văn Chương

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ
HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ**
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hùng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 12 tháng 01 năm 2017)
Ông Nguyễn Văn Sơn	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 12 tháng 01 năm 2017)
Ông Lê Đức Thuận	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2016)
Ông Trần Tuấn Nam	Thành viên (bổ nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2016, miễn nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2016)
Ông Trịnh Văn Khiêm	Thành viên (miễn nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2016)
Ông Đặng Hữu Thắng	Thành viên
Ông Lê Quang Thành	Thành viên
Ông Trịnh Văn Chương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2016)

Ban Giám đốc

Ông Lê Đức Thuận	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2016)
Ông Trần Tuấn Nam	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2016, miễn nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2016)
Ông Trịnh Văn Khiêm	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2016)
Ông Nguyễn Tiến Sỹ	Phó Giám đốc
Ông Trịnh Văn Chương	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2016)
Ông Phạm Tuấn Sơn	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2016)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Đức Thuận
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 02 năm 2017, từ trang 4 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Hoàng Lan Hương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0898-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 21 tháng 02 năm 2017
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		185.980.297.340	227.277.791.917
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	145.513.551.767	89.228.340.732
1. Tiền	111		55.513.551.767	89.228.340.732
2. Các khoản tương đương tiền	112		90.000.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39.394.227.269	60.575.463.497
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	24.534.664.398	52.239.872.065
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	14.183.730.538	7.989.905.132
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	675.832.333	345.686.300
III. Hàng tồn kho	140	9	290.498.100	74.652.330.613
1. Hàng tồn kho	141		290.498.100	74.652.330.613
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		782.020.204	2.821.657.075
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	782.020.204	1.257.717.606
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	1.563.939.469
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		38.532.573.577	53.489.739.393
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		880.362.000	880.362.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	880.362.000	880.362.000
II. Tài sản cố định	220		35.167.418.098	50.049.739.582
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	17.842.067.927	32.136.138.017
- Nguyên giá	222		34.469.016.080	48.998.740.621
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.626.948.153)	(16.862.602.604)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	17.325.350.171	17.913.601.565
- Nguyên giá	228		20.207.827.000	20.207.827.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.882.476.829)	(2.294.225.435)
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.484.793.479	2.559.637.811
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	2.484.793.479	2.559.637.811
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		224.512.870.917	280.767.531.310

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		65.014.096.930	119.152.159.904
I. Nợ ngắn hạn	310		65.014.096.930	119.152.159.904
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	37.654.267.859	99.750.504.031
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	16.082.439.293	8.584.937.279
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	1.755.935.452	2.395.196.680
4. Phải trả người lao động	314		5.082.664.447	4.117.832.109
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	993.502.694	1.841.562.940
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.445.287.185	2.462.126.865
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		159.498.773.987	161.615.371.406
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	159.498.773.987	161.615.371.406
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		125.000.000.000	125.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.787.129.314	14.619.483.939
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.711.644.673	21.995.887.467
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		11.850.254.796	11.166.052.575
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		6.861.389.877	10.829.834.892
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		224.512.870.917	280.767.531.310



Nguyễn Văn Lộc
Người lập biểu



Nguyễn Xuân Đạt
Kế toán trưởng



Lê Đức Thuận
Giám đốc

Ngày 21 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	2.188.710.430.205	2.695.423.734.876
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	22.752.699.029	22.293.121.485
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	19	2.165.957.731.176	2.673.130.613.391
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	2.071.762.803.480	2.562.297.030.069
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		94.194.927.696	110.833.583.322
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	2.063.162.062	632.277.163
7. Chi phí tài chính	22		794.880.500	2.484.626.357
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	106.702.076
8. Chi phí bán hàng	25	23	37.457.302.918	42.972.320.977
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	31.549.193.631	32.744.882.385
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		26.456.712.709	33.264.030.766
11. Thu nhập khác	31	24	3.637.773.307	1.934.193.455
12. Chi phí khác	32	24	779.976.636	1.579.301
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.857.796.671	1.932.614.154
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		29.314.509.380	35.196.644.920
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	5.961.601.876	7.912.653.407
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		23.352.907.504	27.283.991.513
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.442	1.664

Nguyễn Văn Lộc
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Đạt
Kế toán trưởng



Lê Đức Thuận
Giám đốc

Ngày 21 tháng 02 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	29.314.509.380	35.196.644.920
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.058.327.791	6.022.647.448
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(4.250.081.977)	(422.884.079)
(Thu nhập) từ hàng khuyến mại		-	(1.927.958.000)
Chi phí lãi vay	06	-	106.702.076
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	30.122.755.194	38.975.152.365
Thay đổi các khoản phải thu	09	23.257.009.030	(1.169.471.144)
Thay đổi hàng tồn kho	10	74.361.832.513	42.284.479.493
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(54.185.683.452)	22.953.483.074
Thay đổi chi phí trả trước	12	550.541.734	(666.623.646)
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(106.702.076)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.645.471.318)	(8.098.904.535)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	881.500.000	574.873.200
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.617.844.603)	(6.099.520.803)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	61.724.639.098	88.646.765.928
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(2.447.451.436)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	12.067.597.231	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	873.765.094
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.494.645.106	422.884.079
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	13.562.242.337	(1.150.802.263)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	20.000.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(32.476.500.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(19.001.670.400)	(23.453.911.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(19.001.670.400)	(35.930.411.750)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	56.285.211.035	51.565.551.915
Tiền đầu năm	60	89.228.340.732	37.662.788.817
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	145.513.551.767	89.228.340.732


Nguyễn Văn Lộc
Người lập biểu


Nguyễn Xuân Đạt
Kế toán trưởng


Lê Đức Thuận
Giám đốc



Ngày 21 tháng 02 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ ("Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305918852 ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 02 năm 2011 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305918852 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội ngày 18 tháng 3 năm 2015 với mã chứng khoán là PSE.

Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty") nắm giữ 75% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 75 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 68 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Bán buôn, bán lẻ các loại phân bón, các sản phẩm hóa chất; Bán buôn thực phẩm, gạo, nông, lâm sản nguyên liệu; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG); Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy nội địa; Tư vấn, hướng dẫn kỹ thuật sử dụng phân bón và hóa chất; Kinh doanh bất động sản; Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ; Sản xuất hóa chất cơ bản; Sản xuất dung dịch khoan và hóa phẩm dầu khí, chất dùng cho khoan thăm dò và khai thác dầu khí, công nghiệp, luyện cán thép; Quảng cáo; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Khai thác khoáng chất và khoáng phân bón; Kinh doanh dịch vụ logistic.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại phân bón và sản phẩm hóa chất.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có bốn (4) chi nhánh hạch toán phụ thuộc hoạt động tại Lâm Đồng, Đồng Nai, Đắk Nông và Tây Ninh.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN MỚI VỀ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC "Thông tư 53" sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



4. TÓM TẮT CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm nay (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 8

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất và phần mềm máy tính được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính là 8 năm.

Thuê hoạt động

Thuê hoạt động của Công ty thể hiện tiền thuê văn phòng. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

4. TÓM TẮT CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại phải được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ hoạt động tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	85.167.432	155.564.602
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	55.428.384.335	89.072.776.130
Các khoản tương đương tiền (*)	90.000.000.000	-
	145.513.551.767	89.228.340.732

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,8% đến 5,5%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Hoàng Long	7.232.338.168	10.236.830.890
Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Dịch vụ Minh Dũng	5.632.908.601	3.266.556.758
Công ty TNHH Thủy Minh Khoa	5.389.835.667	485.988.912
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	3.093.438.463	1.600.646.484
Các khách hàng khác	3.186.143.499	36.649.849.021
	24.534.664.398	52.239.872.065
Phải thu khách hàng các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 28)	3.419.544.023	7.345.020.504

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	14.173.291.208	4.064.308.372
Các nhà cung cấp khác	10.439.330	3.925.596.760
	14.183.730.538	7.989.905.132
Trả trước cho các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 28)	14.173.291.208	7.110.270.132



8. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	153.999.000	249.820.000
Tạm ứng cán bộ công nhân viên	10.000.000	6.400.000
Các đối tượng khác	511.833.333	89.466.300
	675.832.333	345.686.300
b. Dài hạn		
Ký quỹ	880.362.000	880.362.000
	880.362.000	880.362.000

9. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	1.365.919.191	-
Hàng hóa	152.939.800	-	73.286.411.422	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	137.558.300	-	-	-
Cộng	290.498.100	-	74.652.330.613	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn	782.020.204	1.257.717.606
Chi phí biển hiệu đại lý	465.075.420	657.887.606
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ dưới 1 năm	316.944.784	599.830.000
b. Dài hạn	2.484.793.479	2.559.637.811
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng, nhà xưởng	926.675.878	737.726.498
Chi phí biển hiệu đại lý	307.158.470	369.964.816
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.250.959.131	1.451.946.497
	3.266.813.683	3.817.355.417

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	28.200.720.133	11.246.667.075	8.025.081.663	1.526.271.750	48.998.740.621
Thanh lý, nhượng bán	-	(11.118.539.075)	(3.365.153.116)	(46.032.350)	(14.529.724.541)
Số dư cuối năm	28.200.720.133	128.128.000	4.659.928.547	1.480.239.400	34.469.016.080
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	9.670.492.483	3.255.403.642	2.686.767.401	1.249.939.078	16.862.602.604
Khấu hao trong năm	2.822.104.035	659.834.091	846.486.314	141.651.957	4.470.076.397
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.893.824.562)	(776.148.834)	(35.757.452)	(4.705.730.848)
Số dư cuối năm	12.492.596.518	21.413.171	2.757.104.881	1.355.833.583	16.626.948.153
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	18.530.227.650	7.991.263.433	5.338.314.262	276.332.672	32.136.138.017
Tại ngày cuối năm	15.708.123.615	106.714.829	1.902.823.666	124.405.817	17.842.067.927

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 3.175.015.445 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.023.495.480 đồng).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	20.152.577.000	55.250.000	20.207.827.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	2.238.975.435	55.250.000	2.294.225.435
Khấu hao trong năm	588.251.394	-	588.251.394
Số dư cuối năm	2.827.226.829	55.250.000	2.882.476.829
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	17.913.601.565	-	17.913.601.565
Tại ngày cuối năm	17.325.350.171	-	17.325.350.171

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số có khả năng trả nợ	Số đầu năm	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Baker Hughes Asia Pacific Ltd.-Baker Petrolite Division	12.400.256.590	12.400.256.590	16.849.383.370	16.849.383.370
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	12.121.638.575	12.121.638.575	-	-
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	10.316.467.035	10.316.467.035	82.282.964.965	82.282.964.965
Các nhà cung cấp khác	2.815.905.659	2.815.905.659	618.155.696	618.155.696
	37.654.267.859	37.654.267.859	99.750.504.031	99.750.504.031
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 28)	22.438.105.610		82.587.601.613	

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Phân bón Tuấn Vũ	3.767.400.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kim Ngoan	3.742.055.647	625.500.000
Công ty Cổ phần Hoa Nam	1.581.040.000	419.941.035
Các khách hàng khác	6.991.943.646	7.539.496.244
	16.082.439.293	8.584.937.279
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 28)	-	2.518.198.750

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	12.760.993.738	12.617.142.651	143.851.087
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.172.174.127	5.961.601.876	6.645.471.318	1.488.304.685
Các loại thuế khác	223.022.553	2.278.906.632	2.378.149.505	123.779.680
Thuế thu nhập cá nhân	223.022.553	2.271.906.632	2.371.149.505	123.779.680
Thuế khác	-	7.000.000	7.000.000	-
Cộng	2.395.196.680	21.001.502.246	21.640.763.474	1.755.935.452

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền cổ tức phải trả	473.679.600	725.350.000
Phải trả, phải nộp khác	519.823.094	1.116.212.940
	993.502.694	1.841.562.940
Phải trả khác là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 28)	-	621.000.000

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư	Lợi nhuận sau thuế	Tổng cộng
	VND	phát triển	chưa phân phối	VND
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	125.000.000.000	13.255.284.363	24.916.052.575	163.171.336.938
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	27.283.991.513	27.283.991.513
Trích từ lợi nhuận	-	1.364.199.576	(6.454.156.621)	(5.089.957.045)
Trả cổ tức	-	-	(23.750.000.000)	(23.750.000.000)
Số dư đầu năm nay	125.000.000.000	14.619.483.939	21.995.887.467	161.615.371.406
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	23.352.907.504	23.352.907.504
Trích từ lợi nhuận (i)	-	1.167.645.375	(7.887.150.298)	(6.719.504.923)
Trả cổ tức (ii)	-	-	(18.750.000.000)	(18.750.000.000)
Số dư cuối năm nay	125.000.000.000	15.787.129.314	18.711.644.673	159.498.773.987

(i) Trong năm, căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 78/NQ-ĐNB ngày 21 tháng 4 năm 2016, Công ty đã thực hiện trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2016 với số tiền là 1.167.645.375 đồng, đồng thời trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2015 và lợi nhuận năm 2016 với số tiền lần lượt là 1.395.632.671 đồng và 5.323.872.252 đồng.

(ii) Căn cứ vào Nghị quyết trên, Công ty cũng đã trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2015 bằng 7% mệnh giá cổ phần tương đương với số tiền 8.750.000.000 đồng. Đồng thời, căn cứ vào Nghị quyết số 170/NQ-ĐNB ngày 28 tháng 10 năm 2016, Công ty đã tạm ứng chi trả cổ tức đợt 1 năm 2016 bằng 8% mệnh giá cổ phần tương đương với số tiền 10.000.000.000 đồng.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.500.000	12.500.000
- Số lượng quỹ		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.500.000	12.500.000

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần không được hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty là 125.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, chi tiết như sau:

	Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
	VND	%	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	93.750.000.000	75%	93.750.000.000	93.750.000.000
Cổ đông khác	31.250.000.000	25%	31.250.000.000	31.250.000.000
	125.000.000.000	100%	125.000.000.000	125.000.000.000

18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất khác, các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất khác. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình tại Thuyết minh số 19 và 20.

Trong năm, sản phẩm hàng hóa của Công ty (bao gồm các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất) chủ yếu được phân phối tại khu vực các tỉnh miền Đông Nam Bộ.

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu phân bón	2.014.095.838.430	2.529.784.910.422
Doanh thu hóa chất	150.167.413.798	157.887.498.883
Doanh thu khác	24.447.177.977	7.751.325.571
	2.188.710.430.205	2.695.423.734.876
Chiết khấu thương mại	(22.752.699.029)	(22.293.121.485)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.165.957.731.176	2.673.130.613.391
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 28)	138.101.208.188	26.118.291.666

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Giá vốn phân bón	1.902.127.124.636	2.389.469.076.936
Giá vốn hóa chất	147.676.060.748	165.367.152.998
Giá vốn khác	21.959.618.096	7.460.800.135
	<u>2.071.762.803.480</u>	<u>2.562.297.030.069</u>

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.644.760.701	3.674.361.992
Chi phí nhân công	24.727.871.057	25.095.539.708
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.058.327.791	6.022.647.448
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.857.621.969	42.089.458.871
Chi phí khác bằng tiền	2.449.125.938	6.012.097.479
	<u>80.737.707.456</u>	<u>82.894.105.498</u>

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu là lãi tiền gửi tại các ngân hàng trong năm tài chính.

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên bán hàng	12.400.707.707	10.804.181.915
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	4.649.256.523	3.674.361.992
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.686.866.978	4.518.306.061
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.634.242.411	21.632.209.211
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.086.229.299	2.343.261.798
	<u>37.457.302.918</u>	<u>42.972.320.977</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	12.327.163.350	14.291.357.793
Chi phí đồ dùng văn phòng	995.504.178	630.746.579
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.359.911.117	1.504.341.387
Thuế, phí và lệ phí	148.000	32.949.324
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.503.718.347	12.616.651.621
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.362.748.639	3.668.835.681
	<u>31.549.193.631</u>	<u>32.744.882.385</u>

24. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	2.243.603.538	-
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	1.383.210.769	
Thu nhập từ nhận hàng khuyến mại	-	1.927.958.000
Thu nhập khác	10.959.000	6.235.455
Thu nhập khác	3.637.773.307	1.934.193.455
Chi phí thanh lý công cụ dụng cụ	779.976.636	-
Tiền phạt, tiền bồi thường		1.579.301
Chi phí khác	779.976.636	1.579.301

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	29.314.509.380	35.196.644.920
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	493.500.000	769.961.476
Thu nhập chịu thuế	29.808.009.380	35.966.606.396
Thuế suất	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.961.601.876	7.912.653.407
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước bổ sung	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.961.601.876	7.912.653.407

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	23.352.907.504	27.283.991.513
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(5.323.872.252)	(6.485.589.716)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	18.029.035.252	20.798.401.797
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	12.500.000	12.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.442	1.664

27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	2.275.920.000	4.284.240.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trong vòng một năm	2.275.920.000	4.284.240.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	189.660.000	2.532.700.000
	<u>2.465.580.000</u>	<u>6.816.940.000</u>

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê văn phòng tại tầng 9, tầng 10, tầng 11 - Tòa nhà PVFCCo SBD Building với giá thuê 189.660.000 đồng/tháng (chưa bao gồm thuế VAT). Hợp đồng thuê này có thời hạn ba năm bốn tháng từ ngày 01 tháng 10 năm 2012 đến ngày 31 tháng 01 năm 2018.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Chi nhánh của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	Công ty trong cùng Tập đoàn
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	Công ty trong cùng Tập đoàn
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	Công ty trong cùng Tập đoàn
Chi nhánh Côn Sơn - Công ty CP Vận tải Dầu khí Cửu Long	Công ty trong cùng Tập đoàn
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ của Tập đoàn

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	138.101.208.188	26.118.291.666
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	23.544.403.617	6.568.456.221
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	64.046.104.261	190.957.782
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	43.143.375.000	-
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	5.526.200.000	-
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	944.458.850	-
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	648.318.000	18.125.201.663
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	248.348.460	1.233.676.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.731.499.112.263	2.173.918.106.705
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.365.737.180.312	1.494.168.078.821
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	361.939.616.680	602.541.301.808
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	1.860.000.000	69.540.000.000
Chi nhánh Côn Sơn - Công ty CP Vận tải Dầu khí	805.090.000	-
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	680.326.900	2.162.123.000
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	76.153.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	31.180.600	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	-	5.104.218.596
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	369.564.771	402.384.480


Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	3.138.414.608	1.637.496.227

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng	3.419.544.023	7.345.020.504
Chi nhánh Tập đoàn dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	-	5.744.374.020
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	3.093.438.463	1.600.646.484
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	326.105.560	-
Trả trước cho người bán	14.173.291.208	7.110.270.132
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	14.173.291.208	4.064.308.372
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	3.045.961.760
Phải thu khác	153.999.000	249.820.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	153.999.000	249.820.000
Phải trả người bán	22.438.105.610	82.587.601.613
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	10.316.467.035	82.282.964.965
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	12.121.638.575	-
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ Phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	-	157.614.600
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	-	147.022.048
Người mua trả tiền trước	-	2.518.198.750
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	-	2.433.375.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	-	84.823.750
Phải trả ngắn hạn khác	-	621.000.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	621.000.000



Nguyễn Văn Lộc
Người lập biểu



Nguyễn Xuân Đạt
Kế toán trưởng



Lê Đức Thuận
Giám đốc

Ngày 21 tháng 02 năm 2017